

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **114/2023/HN-ST**
Ngày: 28/3/2023
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Lê Văn Minh**

+ Bà **Võ Thị Lệ**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 392/2022/TLST-HN ngày 26/10/2022 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn **NGUYỄN THỊ THÙY L**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn V, huyện G, tỉnh T(xin vắng mặt).

2. Bị đơn: **LÊ VĂN R**, sinh năm xxxx; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh T(vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L trình bày:* chị và anh R cưới nhau vào năm 2019 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Quá trình chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh R ghen tuông vô cớ. Chị và anh R ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn

lại được nữa nên chị xin được ly hôn với anh R.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lê Văn R đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh R nhưng anh R không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L và anh R tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, nay chị L xin ly hôn với anh R nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn anh Lê Văn R trú tại địa chỉ: ấp T, xã P, huyện G, tỉnh T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn R đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh R vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh R theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L xin ly hôn với anh R do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh R ghen tuông vô cớ. Chị L và anh R có thời gian ly thân từ năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân chị L và anh R đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Anh R vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh R vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị L, chứng tỏ anh R không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị L và anh R đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh R là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: do chị L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a, b khoản 2 điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thùy L.

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy L được ly hôn với anh Lê Văn R.

[2] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0028168 ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên chị L đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Phước Trung;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên